

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2020
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền.
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Ngọc T1**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Người làm chứng: Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh T1, anh H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/12/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nuôi dạy con cái và về kinh tế nên thường xảy ra cãi vã nhau. Đến năm 2018 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đưa hai con về nhà mẹ đẻ chị ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi chị và anh T1 xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 17/6/2005 và Vũ Hồng A, sinh ngày 05/9/2010, hiện nay cả hai con đều đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm may tại xã thu nhập khoảng 5 triệu đồng/ 01 tháng. Chị có nhà của bố mẹ đẻ để mẹ con chị ở từ 02 năm nay và chị có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc nuôi con nên chị đủ điều kiện trực tiếp nuôi 02 con. Về phần tài sản chung: vợ chồng anh chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung vợ chồng anh chị không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Vũ Văn H (em trai anh T1) về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng cũng như chị T trình bày. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Khi gia đình anh nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, gia đình anh có thông báo cho anh T1, anh T1 có nói lại là đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý cho chị T nuôi cả hai con, anh đang bận làm ăn nên không về Tòa án được.

* Tòa án đã tiến hành xác minh với Ủy ban nhân dân xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị T và anh T1 sống ly thân nhau. Anh T1 hiện đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về địa phương. Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về việc nuôi con thì chị T có đủ điều kiện nuôi con. Anh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh T1 đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương nhưng thỉnh thoảng có về nhà và không làm thủ tục đăng ký tạm vắng tại địa phương.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị T được ly hôn anh T1. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 17/6/2005 và Vũ Hồng A, sinh ngày 05/9/2010 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không xem xét giải quyết. Án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh T1 đã biết việc chị T có đơn xin ly hôn nhưng cũng không đến Tòa án và không có ý kiến xin đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật

Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh T1.

[3.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 17/6/2005 và Vũ Hồng A, sinh ngày 05/9/2010, hiện nay cả hai con đều đang do chị T nuôi dưỡng, hai con đều có nguyện vọng muốn ở với chị T, anh T1 không có ý kiến gì về việc nuôi con, chị T có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T1 không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Vũ Ngọc T1.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 17/6/2005 và Vũ Hồng A, sinh ngày 05/9/2010 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh Vũ Ngọc T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Đỗ Thị T và anh Vũ Ngọc T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003758 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T và anh Vũ Ngọc T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: xx ngày 20/12/2004)
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương